

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHỮNG NÔNG DÂN KHƠ ME KHÔNG CÓ ĐẤT VÀ THIẾU ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH SÓC TRĂNG

LỖ NGỖC THỖNG

Sóc Trăng là tỉnh đ- ợc tái lập vào năm 1992, diện tích tự nhiên là 322.330 ha, gồm 8 huyện, 1 thị xã với 105 xã, ph- òng, thị trấn; có 3 dân tộc Kinh, Khơ me, Hoa cùng sinh sống. Toàn tỉnh có 52 xã đặc biệt khó khăn đang thực hiện Ch- ơng trình 135 của Chính phủ. Dân số chung toàn tỉnh là 1.226.667 ng- òi, trong đó ng- òi Kinh: 159.352 hộ với 800.822 khẩu, chiếm 65,28%; ng- òi Khơ me đứng thứ hai - 68.167 hộ với 353.925 khẩu, chiếm 28,85%; ng- òi Hoa - 13.570 hộ với 71.570 khẩu, chiếm 5,83%; các dân tộc khác có 63 hộ với 349 khẩu.

1. Vài nét về thực trạng

Đồng bào Khơ me tỉnh Sóc Trăng sinh sống tập trung tại 3 huyện Long Phú, Vĩnh Châu và Mỹ Xuyên (xem bảng 1). Địa bàn c- trú của đồng bào là vùng sâu, vùng xa dọc theo các giồng cát, ven biển, chung quanh chùa chiền; một số ít c- trú ven trục lộ giao thông, ven thị tứ, thị trấn xen với đồng bào Kinh, Hoa. Nền kinh tế của đồng bào Khơ me chủ yếu là nông nghiệp, đại bộ phận còn khó khăn. Theo số liệu điều tra mức sống hộ gia đình thời điểm ngày 01-10-2001, số hộ Khơ me nghèo là 29.265 hộ, chiếm 42,92% tổng số hộ Khơ me của tỉnh. Bên cạnh trồng lúa n- ớc, đồng bào còn trồng hoa mầu, đan lát, dệt chiếu. Tỉnh Sóc Trăng đã có chỉ đạo tập trung công tác xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế vùng đồng bào Khơ me thông qua việc

thực hiện Chỉ thị 68 CT/TW ngày 18-4-1991 của Ban Bí th- ơng Đảng; Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 5-4-2002 của Tỉnh uỷ Về tăng c- òng sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác vùng đồng bào Khơ me (1). Theo tinh thần các Nghị quyết trên, tỉnh cũng đã tập trung nhiều nguồn vốn vào vùng đồng bào Khơ me. Trong 10 năm qua, toàn tỉnh có 4.030 hộ dân với 10.084 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, trong đó có 2.620 hộ dân tộc Khơ me, chiếm 65%. Mỗi hộ đi xây dựng kinh tế mới đ- ợc giao quyền sử dụng đất từ 0,5 ha đến 1ha để sản xuất lâu dài và đ- ợc cấp từ 100 đến 200 m² đất thổ c- ; ngoài ra còn đ- ợc cấp 2.700.000 đồng (đối với hộ di dân) và 800.000 đồng (đối với hộ giã dân) để hỗ trợ đi dời, đầu t- n- ớc sinh hoạt. Riêng các hộ Khơ me sống ở vùng đệm của đai rừng phòng hộ ven biển còn đ- ợc giao khoán từ 1ha đến 3 ha đất rừng để chăm sóc, bảo vệ... Nhờ đó cơ sở hạ tầng nông thôn vùng đồng bào Khơ me có nhiều biến đổi về n- ớc sạch trong sinh hoạt, điện, tr- òng học, trạm y tế, giao thông, giáo dục...; từng b- ớc giảm sự chênh lệch về điều kiện và mức sống của đồng bào Khơ me so với toàn tỉnh. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ cơ bản đ- ợc thực hiện; hệ thống tr- òng phổ thông dân tộc nội trú đ- ợc hình thành từ tỉnh đến huyện; các loại dịch bệnh hầu hết đ- ợc ngăn chặn; an ninh chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định...

Bảng 1. Dân số các dân tộc tỉnh Sóc Trăng (số liệu điều tra năm 1999)

TT	Huyện, thị	Số ấp	Tổng dân số	Kinh	Hoa		Khơ me	
					Dân số	%	Dân số	%
1	Vĩnh Châu	97	137.815	38.725	27.687	20,10	71.339	51,76
2	TX Sóc Trăng	60k	114.161	68.670	18.749	16,42	26.682	23,37
3	Long Phú	84	171.289	109.216	5.236	3,06	56.770	33,14
4	Cù Lao Dung	35	64.487	60.294	165	0,26	4.028	6,25
5	Kế Sách	35	157.348	141.084	1.076	0,68	15.159	9,63
6	Mỹ Tú	136	194.268	124.978	4.899	2,52	52.816	27,18
7	Mỹ Xuyên	134	185.136	108.656	5.901	3,19	70.546	38,10
8	Ngã Năm	61	73.196	67.680	519	0,71	4.997	6,83
9	Thạnh Trị	75	80.708	50.397	3.963	4,91	26.341	32,64

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng

Về tôn giáo, đại đa số đồng bào Khơ me theo đạo Phật Nam tông. Toàn tỉnh có 92 chùa, 1 salatel với 1.780 s- sãi đang tu hành học tập. Đồng bào Khơ me có truyền thống yêu n-ớc, đoàn kết gắn bó với các dân tộc Kinh, Hoa và các dân tộc anh em khác trong quá trình xây dựng quê h-ong xứ sở và trong đấu tranh giải phóng đất n-ớc.

Tuy nhiên vùng đồng bào còn gặp không ít khó khăn. Theo đánh giá của Sở Nội vụ và Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng thì mặc dù đ-ợc Đảng, Nhà n-ớc quan tâm đầu t- phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất...nh-ng thực tế kinh tế vùng đồng bào Khơ me phát triển chậm, ch-a bền vững, phân hoá giàu nghèo càng diễn ra đậm nét, cơ sở hạ tầng còn thấp kém, còn khoảng 34% hộ đồng bào Khơ me gặp nhiều khó khăn,

nhất là nông thôn vùng sâu. “Công tác giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ, cán bộ làm công tác dân tộc, hệ thống bộ máy làm công tác dân tộc còn nhiều bất cập, ch-a đồng bộ, tỷ lệ cán bộ Khơ me chỉ đạt 15,56% so với cán bộ chung của tỉnh, ch-a t-ong xứng với tỉnh có đông đồng bào Khơ me “(Sở Nội vụ). Tình hình trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do “Trình độ phần lớn của bà con ng-ời dân tộc Khơ me còn thấp, tiếp thu khoa học kỹ thuật kém, thiếu vốn, thiếu hoặc không có đất sản xuất, từ đó mức sống chậm cải thiện. Nhận thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà n-ớc ở các cấp, các ngành còn một số hạn chế và ch-a thấy hết ý nghĩa của công tác dân tộc trong điều kiện mới; công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ ng-ời dân tộc Khơ me từng lúc, từng nơi ch-a

đ-ọc quan tâm đúng mức, công tác tuyên truyền giáo dục và phát động đồng bào Khơ me nêu cao tinh thần yêu n-ớc, nêu cao cảnh giác với âm m-u thủ đoạn của bọn phản động và các thế lực thù địch ch-a đáp ứng với yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới” (Ban Dân tộc).

Một trong những nguyên nhân dẫn đến nghèo đói và phát triển thiếu bền vững của ng-ời nông dân ở Sóc Trăng là thiếu đất sản xuất. Sóc Trăng là tỉnh có ba vùng sinh thái tự nhiên: ngọt, lợ, mặn với những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội. Mọi sinh hoạt, hoạt động kinh tế của ng-ời nông dân bị chi phối bởi ba vùng cảnh quan đặc thù đó. Với những đặc thù trong tập quán sản xuất và sinh hoạt, đa số ng-ời thuộc diện đói nghèo và số hộ nông dân không có đất và thiếu đất sản xuất chủ yếu là ng-ời Khơ me. Kết quả khảo sát tại một số huyện ở Sóc Trăng tháng 10 năm 2004 cho thấy:

- Huyện Long Phú, tỷ lệ hộ nghèo đói còn chiếm 18,71%, riêng hộ đồng bào Khơ me nghèo là 3.251 hộ, chiếm 27,58%. Số hộ nghèo không có đất sản xuất có hơn 14,9%; số đồng bà con còn ở nhà tạm, không có đất thổ c-; phân hoá giàu nghèo ngày càng diễn ra gay gắt...

- Huyện Mỹ Tú, đồng bào Khơ me chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, các ngành nghề khác gần đây có phát triển nh-ng không đáng kể. Về mức sống của họ, tính đến tháng 9 năm 2004, số hộ giàu, khá có 2.498 hộ, chiếm 17%; hộ trung bình: 6.836 hộ, chiếm 49,19%; hộ nghèo: 4.562 hộ, chiếm 32,82%. Đến cuối năm 2003, số hộ không có đất sản xuất là 4.316 hộ. Các hộ không có đất sản xuất chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Chuyển nh- ợng đất: 1.082 hộ;
- Cầm cố ruộng đất: 1.298 hộ;

- Tách hộ: 1.625 hộ;
- Chuyển nghề: 127 hộ;
- Nguyên nhân khác: 305 hộ.

Đất đai đối với đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung, ng-ời Khơ me nói riêng không chỉ là t- liệu sản xuất mà còn là không gian sinh tồn, môi tr- ờng văn hoá gắn bó sâu sắc với tâm lý, tâm t- tình cảm của cá nhân và cộng đồng. Trong thời kỳ mở cửa, kinh tế thị tr- ờng phát triển, phân hoá giàu nghèo trong xã hội ngày càng tăng, một bộ phận nông dân bị tác động của “vòng xoáy” đó. Tình trạng mất đất và thiếu đất ở Sóc Trăng, theo kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong những năm gần đây, có rất nhiều nguyên nhân. Nh-ng theo chúng tôi, nguyên nhân cơ bản là do:

- Trình độ dân trí hạn chế của ng-ời dân đã dẫn đến những “ứng xử”, những quyết định lúng túng và đôi khi không đúng đắn trong hoạt động kinh tế của các hộ gia đình và cá nhân.

- Bị tác động của việc quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các địa ph- ơng.

- Một số chính sách phát triển kinh tế-xã hội, chính sách dân tộc thiểu đồng bộ.

- Trình độ, năng lực quản lý điều hành của một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý địa ph- ơng các cấp còn hạn chế.

- Không thích ứng kịp thời với nhịp độ phát triển kinh tế mới (từ kinh tế tự cấp, tự túc sang kinh tế thị tr- ờng, kinh tế hàng hoá).

Các nguyên nhân cụ thể liên quan đến việc thiếu đất và không có đất sản xuất của các hộ nông dân Khơ me tại Sóc Trăng th- ờng thuộc hai nhóm cơ bản: nhóm nguyên nhân kinh tế và nhóm nguyên nhân xã hội (xem bảng 2).

Bảng 2: Nguyên nhân thiếu và không có đất sản xuất

TT	Nguyên nhân kinh tế	Nguyên nhân xã hội
1	Bán đất và làm nghề khác	<input type="checkbox"/> m đau, tai nạn
2	Không có vốn để sản xuất	Thiếu kinh nghiệm sản xuất
3	Chi tiêu không kế hoạch	Đất đã cầm cố hết
4	Trả nợ t- nhân	Hộ mới chia tách
5	Trả nợ ngân hàng	Di chuyển nơi khác rồi quay về chỗ cũ
6	Chơi đê, chơi hội	Chủ cũ đòi lại đất
7	Chuyển nh- ợng	<input type="checkbox"/> nơi khác mới đến lập nghiệp
8	-	Nhà n- ớc thu hồi cho mục đích chung

Thu nhập và đời sống của các hộ thiếu đất và không có đất sản xuất thuộc loại khó khăn và không ổn định trong cộng đồng tộc ng- ời ở địa ph- ơng. Mức thu nhập của các loại hộ không có đất, thiếu đất so với hộ nhiều đất chênh lệch 3 đến 4 lần. Nếu nh- hộ thuần nông ở Sóc Trăng không có đất, thu nhập khoảng 72.000 đồng/khẩu/tháng, hộ thiếu đất thu nhập khoảng 74.000 đồng/khẩu/tháng thì hộ nhiều đất thu nhập khoảng 230.000 đồng/khẩu/tháng. Tình hình này diễn ra đối với các hộ nông nghiệp có kiêm ngành nghề, hộ nông nghiệp kiêm dịch vụ. Loại hộ chuyên làm thuê không có đất, thu nhập thấp hơn, chỉ khoảng 52.000 đồng/khẩu/tháng; hộ chuyên làm thuê thiếu đất, thu nhập khoảng 76.000 đồng /khẩu/tháng.

Việc chi tiêu trong đời sống hàng ngày của các loại hộ không có đất và thiếu đất rất khó khăn. Nhìn chung việc chi tiêu của họ chủ yếu cho ăn, uống, hút; hầu nh- không chi cho văn hoá và giáo dục.

2. Quan điểm và giải pháp đảm bảo sản xuất và đời sống hộ nông dân không có đất và thiếu đất

Vấn đề đất đai và giải quyết đất đai cho các hộ không có đất và thiếu đất đối với các dân tộc nói chung và dân tộc Khơ me ở Sóc Trăng nói riêng là một nội dung quan trọng trong chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số hiện nay ở n- ớc ta. Trong khuôn khổ khảo sát b- ớc đầu, chúng tôi cho rằng cần tập trung vào một số nội dung sau:

2.1. Về quan điểm

Các quan điểm trong việc giải quyết vấn đề đất đai vừa có tính vĩ mô vừa có tính vi mô, vừa có tính cụ thể vừa có tính chiến l- ợc; vừa có tính chính trị – xã hội, vừa có tính kinh tế trong một ch- ơng trình phát triển chung của quốc gia và các địa ph- ơng trong xu thế kinh tế hàng hoá, công nghiệp hoá. Trên tinh thần đó, để góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, yêu cầu giải quyết vấn đề đất đai đối với các hộ không có đất

và thiếu đất ở Sóc Trăng cần quán triệt các quan điểm sau:

- Vấn đề đất đai và giải quyết đất đai ở vùng dân tộc thiểu số nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng là nội dung cơ bản của chính sách phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và các địa phương; là nội dung quan trọng của chính sách dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển.

- Giải quyết vấn đề đất đai vùng dân tộc thiểu số không chỉ là tài liệu sản xuất thuần túy, là vấn đề kinh tế hay phát triển kinh tế-xã hội mà còn là yếu tố cơ bản của vấn đề quan hệ xã hội, quan hệ tộc người, yếu tố văn hoá, tâm lý, phong tục tập quán của cộng đồng các tộc người trong phát triển, trong thực hiện mục tiêu bình đẳng, đoàn kết dân tộc.

- Trong công tác quy hoạch, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia hay các địa phương liên quan đến đất đai cần coi trọng yếu tố xã hội, yếu tố phong tục tập quán của các dân tộc để tìm ra biện pháp phù hợp; hạn chế các hiện tượng tiêu cực lợi dụng quy hoạch và các vấn đề khác để tích tụ đất đai..

- Rà soát, đánh giá lại tình hình đất đai vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nắm bắt tình hình các dân tộc thiểu số không có đất và thiếu đất sản xuất trên tinh thần Luật đất đai, các văn bản liên quan đến đất đai của Đảng, Nhà nước để giải quyết thoả đáng tình hình đất đai liên quan đến các cộng đồng, các nhóm hộ thiếu đất và không có đất sản xuất.

- Hộ nông dân các dân tộc thiểu số không có đất và thiếu đất sản xuất là một hiện tượng không bình thường cần được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm giải quyết, không để hiện

tượng này kéo dài ảnh hưởng đến tình hình chính trị-xã hội.

- Giải quyết vấn đề nông dân không có đất và thiếu đất nhằm đảm bảo sản xuất và đời sống là vấn đề kinh tế-xã hội không giản đơn, không thể giải quyết một sớm một chiều mà cần được điều tra nghiên cứu cụ thể, phát hiện và phân loại nguyên nhân, căn cứ vào các loại nguyên nhân để tìm ra giải pháp khắc phục phù hợp với tình hình ở từng địa phương, dân tộc.

- Tích tụ và tập trung ruộng đất là yêu cầu khách quan của nền sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp hoá. Trong tình hình đó để thực hiện các chương trình quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội sẽ có một bộ phận nông dân không còn canh tác trên các lô đất cũ mà được sắp xếp xử lý trong một môi trường kinh tế mới (có thể là tiếp tục sản xuất, canh tác nông nghiệp hoặc chuyển nghề).

- Nhà nước trợ giúp và tạo điều kiện pháp lý hỗ trợ xoá đói giảm nghèo đối với vùng khó khăn và các hộ thiếu đất; đồng thời tạo điều kiện để các hộ nông dân phát huy nội lực vươn lên trong sản xuất và sinh hoạt gia đình. Kết hợp giải quyết các vấn đề kinh tế với các vấn đề chính trị xã hội, lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chí để đánh giá kết quả trong việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm đề ra.

2.2. Về giải pháp

Giải pháp để giải quyết vấn đề đất đai cho các hộ không có đất và thiếu đất sản xuất ở Sóc Trăng là cả một hệ thống các vấn đề được đặt ra trên cơ sở các quan điểm nhận thức, triển khai và tình hình thực tiễn đất đai của địa phương. Để thực hiện các nội dung đó cần xác định rõ mục tiêu của giải pháp và đề ra các giải pháp và nhóm giải pháp phù hợp.

- Về mục tiêu

Mục tiêu của việc giải quyết vấn đề hộ nông dân không có đất và thiếu đất sản xuất là nhằm tạo ra việc làm, có thu nhập và từng bước nâng cao thu nhập cho người dân; làm cho các đối tượng đó không bị hụt hẫng về hoạt động kinh tế và đời sống; có thể có đất khác để sản xuất, cũng có thể sẽ phải thích ứng với một hoạt động kinh tế khác phù hợp với khả năng và trình độ hoạt động kinh tế của họ.

- Về giải pháp

Giải pháp khắc phục tình trạng trên được xuất phát từ thực tiễn tình hình ở Sóc Trăng và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, từ các cách tiếp cận và kết quả nghiên cứu liên quan, với hai nhóm giải pháp chính như sau :

Nhóm giải pháp tạo cho hộ nông dân có đất

Căn cứ vào nguyên nhân không có đất, thiếu đất, cần phân loại đối tượng và căn cứ vào tình hình đất đai, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các khu vực và địa phương để cấp đất cho các hộ. Không phải cứ các hộ không có đất là thuộc đối tượng trên.

Việc cấp đất có thể thực hiện cho các đối tượng thiếu đất, không có đất do ốm đau, mới tách hộ, đất do chủ cũ đòi lại... nay thực sự có nhu cầu về đất để sản xuất; đặc biệt phải nắm được, nếu có đất họ có sử dụng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi có hiệu quả hay không. Nhiều trường hợp địa phương đã cấp đất cho các đối tượng trên nhưng sử dụng không có hiệu quả, lại cầm cố, sang nhượng, bán đất... quay trở lại không có đất, không có công ăn việc làm ổn định dẫn đến nghèo đói.

+ Đối với các hộ thuộc diện trên ở Sóc Trăng sẽ tạo điều kiện cấp đất cho họ thông qua hoạt động mở rộng diện tích đất nông nghiệp bằng

khai hoang phục hoá. Quỹ đất của Sóc Trăng có thể đi vào khai hoang phục hoá còn khoảng trên dưới 8.000 ha tập trung ở vùng ven biển. Đi đôi với việc tạo điều kiện để các hộ nông dân thuộc diện trên có đất trở lại là việc hướng dẫn kỹ thuật canh tác về chăn nuôi, trồng trọt trong môi trường đất mới. Tại vùng ven biển, có thể hướng dẫn các hộ trên nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâm nghiệp chắn sóng, phòng hộ... Tuy nhiên, có mâu thuẫn đặt ra là số hộ thiếu đất và không có đất ở đây đa số là đồng bào Khơ me còn nhiều hạn chế về trình độ tiếp thu khoa học kỹ thuật và tổ chức sản xuất và để triển khai nuôi trồng thủy sản và trồng cây công nghiệp ven biển có quy mô thì cần có vốn lớn... Do vậy, để các hộ Khơ me khắc phục khó khăn, thích ứng được với môi trường mới là vấn đề không giản đơn.

+ Cho các hộ không có đất và thiếu đất vay vốn chuộc lại đất đã cầm cố, sang nhượng... Đây là nguyện vọng của gần 20% số hộ muốn Nhà nước cho vay tiền để chuộc lại đất. Tỉnh Sóc Trăng có đến hàng ngàn hộ có nhu cầu vay tiền chuộc đất. Bình quân mỗi hộ cần vay trên 10 triệu đồng và như vậy nếu thoả mãn nhu cầu vay dài hạn để giải quyết nguyện vọng trên thì tỉnh phải có gần 100 tỷ đồng. Đây là số tiền rất lớn đối với một tỉnh còn nghèo như Sóc Trăng... Quan trọng hơn là sau khi cho vay thì bao giờ tỉnh thu hồi được vốn, người vay sẽ có cơ sở nào để trả được số tiền không nhỏ đối với họ. Thực tế ở một số địa bàn đã cho vay, may mắn người dân mới tự ổn định được sản xuất và đời sống, còn khả năng chi trả vốn vay thì chưa có. Vấn đề cốt lõi ở đây là người nông dân sau khi có đất trở lại sẽ làm gì và khi nào thì trả được vốn vay cho Nhà nước trên cơ sở ổn định sản xuất và đời sống?

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, hệ thống chính trị trong việc

vận động các hộ nhiều đất chuyển nh- ợng, nh- ợng đất lại cho con cháu. Trong điều kiện cơ chế kinh tế thị tr- ợng, đây là vấn đề không giản đơn, thậm chí rất khó thực hiện, song lại là giải pháp xã hội nên cần quan tâm và không loại trừ hiệu quả của nó ở các địa bàn trong tỉnh.

- Tỉnh đề xuất với Trung - ợng, Chính phủ hoàn thiện việc quy hoạch phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trên tinh thần Quyết định 173 của Thủ t- ớng Chính phủ và các văn bản khác để tạo lập các vùng kinh tế mới trong khu vực, thu hút dân c-, lao động, trong đó có các hộ không có đất và thiếu đất.

Nhóm giải pháp tạo việc làm

Khi nói đến việc giải quyết tình hình đời sống, sản xuất cho hộ nông dân thiếu đất và không có đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc Khơ me ở Sóc Trăng, không có nghĩa là chỉ có một giải pháp tạo điều kiện cho họ có đất trở lại. Giải pháp này đôi khi không mang lại hiệu quả vì có nhiều cách làm ăn không hợp lý. Một giải pháp khác là tạo việc làm cho các đối t- ợng trên. Trong xu thế công nghiệp hoá, hiện đại hoá đây là giải pháp tích cực song cần đ- ợc chuẩn bị cho các đối t- ợng có đủ những yếu tố cần thiết để tiếp cận và hoà nhập vào xu thế kinh tế mới - kinh tế thị tr- ợng. Đối với nhóm hộ loại này lao động giản đơn còn ch- a đạt hiệu quả cao thì khi chuyển sang hoạt động ngành nghề, họ phải đ- ợc đào tạo và phải có thời gian kiểm nghiệm hiệu quả hoạt động kinh tế, ổn định đời sống. Có thể tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau:

- Tạo việc làm thông qua ch- ợng trình khẩn hoang, chuyển giao và nâng cao kỹ thuật trong sản xuất.

- Phát triển kinh tế dịch vụ, phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống (dệt, gốm, đan lát...), phát triển kinh tế du lịch...

- Tạo cơ chế tài chính, tín dụng để các hộ nông dân thiếu đất và không có đất sản xuất có điều kiện vay và sử dụng vốn một cách có hiệu quả. Không phải hộ nào cũng đ- ợc vay, mà chỉ những hộ có đủ điều kiện về kế hoạch sản xuất, lao động và khả năng hoàn trả vốn mới cho vay.

- Ưu tiên đào tạo con em của các hộ thuộc đối t- ợng trên có đủ điều kiện để tham gia vào thị tr- ợng xuất khẩu lao động n- ớc ngoài. Đây cũng là một trong những h- ớng cơ bản đã và đang đ- ợc một số địa ph- ợng đồng bằng sông Cửu Long quan tâm giải quyết. Tuy nhiên đây là vấn đề liên quan đến các yếu tố giáo dục, nhận thức, tập quán của ng- ời dân và trách nhiệm của chính quyền địa ph- ợng trong việc chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện chế độ - u tiên trên.

Nhóm giải pháp về cơ chế quản lý đất đai

- Thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng đất đai trong quy hoạch lại sản xuất theo các ch- ợng trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các địa ph- ợng.

- Ngăn chặn tình trạng tích tụ ruộng đất trái pháp luật; cấm tình trạng mua bán đất tự do; cần có quy định về việc đ- ợc mua và tỷ lệ mua đất đối với các cơ quan, cá nhân.

- Thực hiện và áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2003 đã sửa đổi; các Chỉ thị, Quyết định, Thông t-, Nghị định, Công điện... của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi tr- ợng. Cụ thể hoá các nội dung đó vào tình hình của địa ph- ợng.

- Thực hiện Quyết định số 134 của Thủ t- ớng Chính phủ và Thông t- liên bộ, số 819 năm 2004

“Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và n-ớc sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn” (2).

Tóm lại, quan điểm, giải pháp giải quyết vấn đề đất đai cho các hộ nông dân không có đất và thiếu đất sản xuất ở ng-ời Khơ me trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là vấn đề có ý nghĩa cả tr-ớc mắt và lâu dài. Tuy nhiên, đó là hệ thống các quan điểm và giải pháp vừa cụ thể vừa có tính vĩ mô, không thuần túy vấn đề đất ở, đất sản xuất; không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề phong tục tập quán, dân trí, trình độ phát triển xã hội của nhân dân các dân tộc; không chỉ là thực trạng quản lý của địa ph-ơng mà còn là cơ chế chính sách và quản lý ở tầm quốc gia; không chỉ là vấn đề tr-ớc mắt mà còn là vấn đề có tính lâu dài; vấn đề gắn với quy hoạch lại dân c-, quy hoạch kinh tế theo h-ớng kinh tế hàng hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vấn đề thiếu đất và không có đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng chủ yếu là đối với đồng bào Khơ me. Giải quyết vấn đề này không chỉ là nhiệm vụ của chính quyền các cấp ở địa ph-ơng mà còn là sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi tr-ờng và cơ quan hoạch định chính sách phát triển kinh tế-xã hội, hoạch định chính sách dân tộc.

Chú thích

1. Đây là Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh uỷ Sóc Trăng. Nghị quyết đã đề ra *mục tiêu*: “Quán triệt và thực hiện tốt các chủ tr-ong, chính sách của Đảng và Nhà n-ớc đối với đồng bào dân tộc Khơ me. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào Khơ me trong tỉnh; nâng cao dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; phát huy truyền thống đoàn kết gắn bó ba dân tộc Kinh, Khơ me, Hoa; quan tâm xây dựng cơ sở chính trị, đảm bảo an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà”.

- Nghị quyết trên cũng đề ra các chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào

Khơ me giai đoạn 2001-2005 nh- : Giảm tỷ lệ nghèo còn d-ới 20%; có 80% số hộ có điện sinh hoạt; 80% số hộ ở thị xã, thị trấn và trên 60% số hộ nông thôn có n-ớc sạch sử dụng; giảm tỷ lệ trẻ em d-ới 5 tuổi suy dinh d-ỡng xuống còn 25%; tỷ lệ phát triển dân số còn d-ới 1,5%; đạt 100% xã, ph-òng có bác sĩ và cán bộ y tế ng-ời Khơ me; học sinh đúng độ tuổi đi học tiểu học đạt 95 %, trung học cơ sở - 60%-65%, trung học phổ thông - 35% trở lên; 60% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 100% số hộ có nhà ở; giảm nhà tạm bợ xuống d-ới 50%.

2. Thông t- 819/2004/TTLT/UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT đã h-ớng dẫn :

a. *Hộ ch-a có hoặc ch-a đủ đất sản xuất đ-ợc đ-a vào diện thụ h-ớng chính sách hỗ trợ là hộ quy định tại điểm a, khoản 1, mục II của Thông t- này và phải có một trong các điều kiện sau đây:*

- Ch-a có đất sản xuất.

- Đã có đất sản xuất nh-ng ch-a đủ mức quy định theo Quyết định số 134/TTg (d-ới 0,15 ha đất ruộng lúa n-ớc 2 vụ hoặc d-ới 0,25 ha đất ruộng lúa 1 vụ hoặc 0,5 ha ruộng, rẫy) hoặc mức quy định cao hơn ở các địa ph-ơng mà Thủ t-ớng Chính phủ đã có văn bản quy định tr-ớc đây.

- Việc giải quyết cho những hộ đã có đất sản xuất nh-ng ch-a đủ diện tích theo quy định trên, căn cứ điều kiện cụ thể, Uỷ ban Nhân dân tỉnh sẽ quyết định.

b. *Quy đất sản xuất và đất làm nhà ở gồm các loại đất theo quy định tại điều 3.QĐ.134/TTg*

c. *Mức hỗ trợ*

Đất khai hoang, đất nông lâm tr-ờng giao cho hộ sản xuất, đất nhận chuyển nh-ợng lại của hộ có nhiều đất, đất khai hoang tập trung giao lại cho hộ gia đình đ-ợc ngân sách Trung - ơng hỗ trợ bình quân mức 5 triệu đồng/ha. Tùy điều kiện của từng địa ph-ơng có thể hỗ trợ mức cao hơn.